TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17/2017/ HNGĐ - ST
Ngày 24/11/2017
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Công Hiến**
  Ông **Nguyễn Văn Vũ**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **TRẦN THỊ HỒNG** – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2017, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị X**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 11, xã G, huyện G, tỉnh N.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh **Bựi Trọng B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm 11, xã G, huyện G, tỉnh N.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, ngày 03 tháng 07 năm 2017, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Vũ Thị X trình bày: Giữa chị Vũ Thị X và bị đơn là anh Bùi Trọng B, kết

hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 06 năm 2002, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị X và anh B về nhà bố mẹ đẻ anh B để ở, tại xóm 11, xã G, huyện G, tỉnh N. Chị X và anh B chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến cuối năm 2011 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh kế gia đình khó khăn, anh B thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên đánh đập, chửi bới vợ con; chị X và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm 11, xã G, huyện G, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho tới nay. chị X thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị X đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Trọng B.

Về con chung; chị Vũ Thị X trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Bùi Thị D, sinh ngày 12/07/2002; cháu nhỏ là Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 23/04/2010. Hiện tại anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị D, còn chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị Thùy D. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị X đề nghị là người trực tiếp được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Bùi Thị D và Bùi Thị Thùy D; không yêu cầu anh Bùi Trọng B cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; chị Vũ Thị X không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Anh Bùi Trọng B đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Trọng B (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện G triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị X và anh Bùi Trọng B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N vào ngày 10/06/2002; Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh B thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời về nhà đánh đập, chửi bới chị X. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, cũng từ đó hai người không hề quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Toà án nhân dân huyện G đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Bùi Trọng B cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị X.

Về con chung:

Chị Vũ Thị X và anh Bùi Trọng B có hai con chung, cháu lớn là Bùi Thị D, sinh ngày 12/07/2002; cháu nhỏ là Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 23/04/2010. Chị X có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị X và anh B có hai con chung cả hai cháu đều trên bẩy tuổi, trong thời gian trước đây và hiện nay cháu D do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu D do chị X trực tiếp nuôi dưỡng; đều đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặc dù chị X và anh B đều là lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Vì vậy, cần giao cháu Bùi Thị D cho anh Bùi Trọng B và giao cháu Bùi Thị Thùy D cho chị Vũ Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp nguyện vọng của các cháu và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:

Chị Vũ Thị X không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị X phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị X và anh Bùi Trọng B được ly hôn.

2. Về con chung.

Anh Bùi Trọng B được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị D, sinh ngày 12/07/2002, cho tới khi cháu Bùi Thị D đủ 18 tuổi.

Chị Vũ Thị X được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 23/04/2010, cho tới khi cháu Bùi Thị Thùy D đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Vũ Thị X phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04039 ngày 07/7/2017.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐONG XET XƯ SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đó ký)

Hà Thiện Thành

NƠI NHẬN

- TAND tỉnh N;
- Các đương sự;
- THADS huyện G;
- VKS huyện G;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.